

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN TIỂU HỌC – MẦM NON

		17DGDTH1 – Phòng 24	17DGDTH2	17DGDTH3 – Phòng 25
2	S	PT năng lực GQVĐ toán học cho HS TH T. Minh – 4t	Tổ chức hoạt động khám phá KH cho HS TH T. Lâm – 4t (Phòng 25)	
	C	Tổ chức hoạt động khám phá KH cho HS TH T. Lâm – 4t		PT năng lực GQVĐ toán học cho HS TH T. Minh – 4t
	T			
3	S		QLHCNN và QL ngành GD và ĐT T. Tường – 4t (Phòng 24)	Tổ chức hoạt động khám phá KH cho HS TH T. Lâm – 4t
	C	QLHCNN và QL ngành GD và ĐT C. Chanh – 4t	PP hướng dẫn HD ngoại khóa TV ở tiểu học C. Linh – 4t (Phòng 25)	
	T			
4	S	PP hướng dẫn HD ngoại khóa TV ở tiểu học C. Linh – 4t	PT năng lực dạy học môn Lịch sử - Địa lí T. Hiếu – 4t (Phòng A9)	QLHCNN và QL ngành GD và ĐT T. Tường – 4t
	C	PT năng lực dạy học môn Lịch sử - Địa lí T. Hiếu – 4t	PT năng lực GQVĐ toán học cho HS TH T. Minh – 4t (Phòng A2)	HD Công tác đội thiếu niên tiên phong HCM T. Tú – 4t
	T			
5	S	HD Công tác đội thiếu niên tiên phong HCM T. Tú – 4t		PT năng lực dạy học môn Lịch sử - Địa lí T. Hiếu – 4t
	C		HD Công tác đội thiếu niên tiên phong HCM T. Tú – 4t (Phòng 24)	PP hướng dẫn HD ngoại khóa TV ở tiểu học C. Linh – 4t
	T			
6	S		Giáo dục hòa nhập T. X Lâm – 4t (Phòng 24)	
	C	Giáo dục hòa nhập T. X Lâm – 4t		Đánh giá hoạt động học tập ở tiểu học T. Thành – 4t
	T			
7	S		Đánh giá hoạt động học tập ở tiểu học T. Thành – 4t (Phòng 24)	Giáo dục hòa nhập T. X Lâm – 4t
	C	Đánh giá hoạt động học tập ở tiểu học T. Thành – 4t		
	T			

Ghi chú:

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN TIỂU HỌC – MẦM NON

		18DGDTH1 – Phòng 26	18DGDTH2	18DGDTH3 – Phòng GD5
2	S	Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học C. Thảo – 4t	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 2 T. Hận – 4t (Phòng GD5)	PP PT kỹ năng sử dụng từ và câu cho HS TH C. Liên – 4t
	C	Đạo đức và Phương pháp dạy học đạo đức C. Ly – 4t	Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học C. Thảo – 4t (Phòng GD5)	
	T			
3	S	PPDH Toán ở tiểu học 2 T. Linh – 4t		Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học C. Thảo – 4t
	C	PPDH KHTN và KHXH ở tiểu học T. Lâm/T. Hiếu – 4t		PPDH Toán ở tiểu học 2 T. Linh – 4t (Phòng A9)
	T			
4	S		PPDH Toán ở tiểu học 2 T. Linh – 4t (Phòng 26)	PPDH KHTN và KHXH ở tiểu học T. Lâm/T. Hiếu – 4t (Phòng A7)
	C	Văn học thiếu nhi T. Ngọc – 4t	Nghiệp vụ sư phạm tiểu học 1 C. Ly – 4t (Phòng A1)	
	T			
5	S		PPDH KHTN và KHXH ở tiểu học T. Lâm/T. Hiếu – 4t (Phòng 26)	Nghiệp vụ sư phạm tiểu học 1 C. Ly – 4t (Phòng A3)
	C		Đạo đức và Phương pháp dạy học đạo đức C. Ly – 4t (Phòng 26)	Văn học thiếu nhi T. Ngọc – 4t
	T			
6	S	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 2 T. Hoàng – 4t	PP PT kỹ năng sử dụng từ và câu cho HS TH C. Liên – 4t (Phòng A4)	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 2 T. Hận – 4t (Phòng A4)
	C	PP PT kỹ năng sử dụng từ và câu cho HS TH C. Liên – 4t		Đạo đức và Phương pháp dạy học đạo đức C. Ly – 4t
	T			
7	S	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam C. Kiên - 4t (Phòng GD5)		
	C	Nghiệp vụ sư phạm tiểu học 1 C. Ly – 4t	Văn học thiếu nhi T. Ngọc – 4t (Phòng GD5)	
	T			

Ghi chú: Học phần **PP PT kỹ năng sử dụng từ và câu cho HS TH**: Thời gian học thông báo sau

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN TIỂU HỌC – MẦM NON

		19DGDTH1 – Phòng A1	19DGDTH2	19DGDTH3 – Phòng A2
2	S	Pháp luật đại cương C. Lý – 4t	Giáo dục học tiểu học C. Thoa – 4t (Phòng A2)	
	C		Tâm lý học tiểu học T. Công – 4t (Phòng A1)	Giáo dục học tiểu học C. Thoa – 4t
	T			
3	S		Pháp luật đại cương C. Lý – 4t (Phòng A1)	
	C	Kỹ năng sử dụng tiếng việt T. Hận – 4t		Tâm lý học tiểu học T. Công – 4t
	T			
4	S	Lí luận dạy học ở tiểu học C. Thoa – 4t	Tiếng Anh căn bản 2 C. Oanh – 4t (Phòng A2)	
	C	Chủ nghĩa xã hội khoa học C. Thoảng – 4t (Phòng GD5)		
	T			
5	S	Giáo dục học tiểu học C. Thoa – 4t		Tiếng Anh căn bản 2 T. Út – 4t
	C	Tiếng Anh căn bản 2 T. Trung – 4t		Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học T. Lâm – 4t
	T			
6	S	Tâm lý học tiểu học T. Công – 4t	Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học T. Lâm – 4t (Phòng A2)	
	C		Lí luận dạy học ở tiểu học C. Thoa – 4t (Phòng A1)	Pháp luật đại cương C. Lý – 4t
	T			
7	S		Kỹ năng sử dụng tiếng việt T. Hận – 4t (Phòng A1)	Lí luận dạy học ở tiểu học C. Thoa – 4t
	C	Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học T. Lâm – 4t		Kỹ năng sử dụng tiếng việt T. Hận – 4t
	T			

Ghi chú: Lớp **19DGDTH1,3**: Học phần **Pháp luật đại cương** bắt đầu học từ **14/9/2026**

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN TIỂU HỌC – MẦM NON

		20DGDTH1 – Phòng A3	20DGDTH2 – Phòng A3	20DGDTH3 – Phòng A4	20DGDTH4 – Phòng A4
2	S	Cầu lông T. Viên – 4t	SLTE lứa tuổi TH C. Phước – 4t	HT&PT KN mềm C. Ly – 4t Tâm lý học ĐC T. Công – 4t	Điền kinh & Vovinam T. Mai – 4t
	C		Tâm lý học đại cương C. Sang – 4t	SLTE lứa tuổi TH C. Phước – 4t	
3	S	SLTE lứa tuổi TH C. Phước – 4t HT&PT KN mềm C. Ly – 4t			
	C	Giáo dục học C. Thoa – 4t (Phòng A7)	Cơ sở Toán 1 T. Sơn – 4t	ĐK & C. Lông T. Phúc – 4t	Cơ sở Toán 1 T. Tâm (P LKĐT) – 4t
4	S	Điền kinh C. Thu – 4t	Cơ sở tiếng Việt 1 C. Linh – 4t		Cơ sở tiếng Việt 1 T. Hận – 4t
	C		Tiếng Việt thực hành C. Nhiên – 4t	Cơ sở tiếng Việt 1 C. Linh – 4t	Điền kinh & Vovinam T. Mai – 4t
5	S	Triết học Mác-Lênin T. Phương – 4t (Phòng GD5)		ĐK & C. Lông T. Phúc – 4t	SLTE lứa tuổi TH C. Phước – 4t (Phòng A8)
	C		ĐK & Pickleball T. Thuyết – 4t	Giáo dục học C. Thoa – 4t (Phòng A9)	HT&PT KN mềm C. Chanh – 4t Tâm lý học ĐC T. Công – 4t
6	S	Cơ sở Toán 1 T. Sơn – 4t (Phòng A6)	Giáo dục học C. Thoa – 4t HT&PT KN mềm C. Ly – 4t	Triết học Mác-Lênin T. Phương – 4t (Phòng GD5)	
	C	Tâm lý học đại cương C. Sang – 4t		Cơ sở Toán 1 T. Tâm (P LKĐT) – 4t (Phòng 26)	Tiếng Việt thực hành C. Nhiên – 4t
7	S	Cơ sở tiếng Việt 1 C. Linh – 4t	ĐK & Pickleball T. Thuyết – 4t	Tiếng Việt thực hành C. Nhiên – 4t	
	C	Tiếng Việt thực hành C. Nhiên – 4t			Giáo dục học T. Tùng – 4t

Ghi chú: Lớp 20DGDTH1: Học phần **SLTE lứa tuổi TH** học tuần lẻ; học phần **HT&PT KN mềm** học tuần chẵn
 Lớp 20DGDTH2: Học phần **Giáo dục học** học tuần lẻ; học phần **HT&PT KN mềm** học tuần chẵn
 Lớp 20DGDTH3,4: Học phần **HT&PT KN mềm** học tuần lẻ; học phần **Tâm lý học ĐC** học tuần chẵn

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN TIỂU HỌC – MẦM NON

		18CGDMN – Phòng A6	19CGDMN – Phòng A6
2	S		Phương pháp hướng dẫn làm quen với tác phẩm văn học C. Hồng – 4t
	C	VS - DD và PB - đảm bảo an toàn cho trẻ MN C. Hồng – 4t	
	T		
3	S		Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non C. Hồng – 4t
	C	Phát triển chương trình giáo dục mầm non C. Trang – 4t (Phòng A10)	Tiếng Anh căn bản 2 T. Bảo – 4t
	T		
4	S	Phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình C. Chanh – 4t	
	C	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN C. Kiều – 4t	Phương pháp giáo dục thể chất C. Chanh – 4t (Phòng A8)
	T		
5	S		Âm nhạc T. Lập – 4t
	C	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ C. Hồng – 4t	
	T		
6	S		Pháp luật đại cương C. Thúy – 4t (Phòng 25)
	C	Phát triển chương trình giáo dục mầm non C. Trang – 4t	
	T		
7	S	Aerobic cho trẻ mầm non C. Hiếu – 4t	
	C	VS - DD và PB - đảm bảo an toàn cho trẻ MN C. Hồng – 4t (Phòng A7)	Rèn nghiệp vụ sư phạm C. Huyền – 4t
	T		

Ghi chú:

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN TIỂU HỌC – MẦM NON

		20CGDMN1 – Phòng A7	20CGDMN2	20CGDMN3 – Phòng A8
2	S	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non C. Chúc – 4t	ĐK & Pickleball C. Thu – 4t	Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT
	C	ĐK & C. Long T. Phúc – 4t	Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT (Phòng A7)	Giáo dục học đại cương C. Chanh – 4t
	T			
3	S	Múa C. Duyên – 4t (Phòng Múa)	Giáo dục học đại cương C. Chanh – 4t (Phòng A7)	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin T. Phương – 4t
	C		Múa C. Duyên – 4t (Phòng Múa)	
	T			
4	S	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin C. Thoảng – 4t (Phòng GD5)		Tâm lý học đại cương T. Công – 4t
	C	Tâm lý học đại cương T. Công – 4t		ĐK & Pickleball C. Thu – 4t
	T			
5	S	Giáo dục học đại cương C. Chanh – 4t	ĐK & Pickleball C. Thu – 4t	Múa C. Duyên – 4t (Phòng Múa)
	C	ĐK & C. Long T. Phúc – 4t	Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT (Phòng A8)	
	T			
6	S	Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non C. Chúc – 4t (Phòng A8)	
	C	Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT	Tâm lý học đại cương T. Công – 4t (Phòng A8)	ĐK & Pickleball C. Thu – 4t
	T			
7	S			Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non C. Chúc – 4t
	C			Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT
	T			

Ghi chú:

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

II. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN KHOA HỌC CƠ BẢN

		20DSPT – Phòng A9	20DSPSH	20DSPHH – Phòng A10
2	S		Sinh học đại cương 1 C. Tuyên – 4t (Phòng A9)	Vật lý cho Hóa học T. Khởi – 4t
	C	Hình học giải tích T. Linh – 4t	Vật lý cho Sinh học T. Khởi – 4t (Phòng A10)	
	T			
3	S	Cơ sở logic và lý thuyết tập hợp T. Tâm – 4t	ĐK & B.Chuyên T. Quang – 4t	Tâm lý học đại cương C. Sang – 4t
	C	Triết học Mác-Lênin T. Phương – 4t (Phòng GD5)		
	T			
4	S	ĐK & C. Long T. Viên – 4t	Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT (Phòng A10)	Vovinam T. Mai – 4t
	C	Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT	Tâm lý học đại cương C. Sang – 4t (Phòng A10)	
	T			
5	S	Tâm lý học đại cương T. Công – 4t		Hóa học đại cương 1 C. Phụng – 4t
	C		ĐK & B.Chuyên T. Quang – 4t	Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT
	T			
6	S	Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT		TT. Vật lý cho Hóa học T. Khởi – 5t (Phòng TN.VL)
	C		TT. Vật lý cho Sinh học T. Khởi – 5t (Phòng TN.VL)	Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT
	T			
7	S	Tiếng Anh căn bản 1 T. Tài – 4t	Năng lực số và Ứng dụng AI CNTT (Phòng A7)	Điền kinh C. Thu – 4t
	C	ĐK & C. Long T. Viên – 4t	Tiếng Anh căn bản 1 C. Cẩm – 4t (Phòng A9)	Tiếng Anh căn bản 1 T. Đồng – 4t
	T			

Ghi chú:

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

III. CÁC LỚP THUỘC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

		17DCNTT1	19DCNPM	19DCNTT1	19DCNTT2	20DCNPM	20DCNTT1	20DCNTT2
2	S							
	C							
3	S			Xác suất thống kê T. Hoàn – 4t				ĐK & C. Long T. Phúc – 4t
	C				Xác suất thống kê T. Hoàn – 4t	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t		
4	S	Kỹ năng mềm C. Phước – 4t	Xác suất thống kê T. Tâm – 3t				Toán cao cấp T. Hoàn – 4t	
	C							ĐK & C. Long T. Phúc – 4t
5	S					ĐK & Vovinam T. Mai – 4t		Toán cao cấp T. Hoàn – 4t
	C						ĐK & Vovinam T. Mai – 4t	
6	S							
	C							
7	S					Toán cao cấp T. Tâm – 4t	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t	
	C							

Ghi chú:

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

IV. CÁC LỚP THUỘC KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI

		17DTVVHVN	18DNNA1	18DNNA2	18DNNA3	19DTVVHVN1	19DTVVHVN2	19DVHDL
2	S							LS văn minh TG T. Hiếu – 4t
	C							
3	S							
	C							
4	S						Từ vựng TV T. Hoàng – 4t	
	C							
5	S	Ngữ pháp CN C. Liên – 4t				Từ vựng TV T. Hoàng – 4t		
	C			Thống kê XHH T. Linh – 4t				
6	S				Thống kê XHH T. Linh – 4t			
	C		Thống kê XHH T. Linh – 4t					
7	S							
	C							

Ghi chú: Lớp 17DTVVHVN **Học phần Ngữ pháp chức năng:** Thời gian học thông báo sau

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

IV. CÁC LỚP THUỘC KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI

		20DNNA1	20DNNA2	20DNNA3	20DTVVHVN1	20DTVVHVN2	20DTVVHVN3
2	S						ĐK & Bóng chuyền T. Quang – 4t
	C				Lịch sử Việt Nam ĐC T. Hiếu – 4t		
3	S		ĐK & B.Chuyên T. Viên – 4t	Điền kinh & Vovinam T. Mai – 4t	Tâm lý học đại cương T. Công – 4t	Lịch sử Việt Nam ĐC T. Hiếu – 4t	Thống kê xã hội học T. Minh – 4t
	C	ĐK & Pickleball C. Thu – 4t				Thống kê xã hội học T. Minh – 4t	Lịch sử Việt Nam ĐC T. Hiếu – 4t
4	S					ĐK & C. Long T. Phúc – 4t	
	C				ĐK & C. Long T. Viên – 4t		ĐK & Bóng chuyền T. Quang – 4t
5	S						
	C	ĐK & Pickleball C. Thu – 4t			Thống kê xã hội học T. Minh – 4t		
6	S			Điền kinh & Vovinam T. Mai – 4t	ĐK & C. Long T. Viên – 4t		
	C		ĐK & B.Chuyên T. Viên – 4t				
7	S					Tâm lý học đại cương T. Công – 4t	
	C					ĐK & C. Long T. Phúc – 4t	Tâm lý học đại cương T. Công – 4t

Ghi chú:

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

V. CÁC LỚP THUỘC KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

		19DBVTV	19DCNTY	19DKHMT	20DNTCNC
2	S				
	C				
3	S			Hoá MT ứng dụng T. Bé – 3t	
	C				Điện kinh T. Khái – 4t
4	S	Sinh lý thực vật C. Chúc – 4t			
	C				
5	S				
	C				
6	S		Hoá sinh động vật C. Phước – 4t		
	C				
7	S			Hoá MT ứng dụng T. Bé – 3t	
	C				

Ghi chú:

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

V. CÁC LỚP THUỘC KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

		20DNT1	20DNT2	20DBVTV	20DKHMT + 20DBVTV	20DCNTY
2	S					
	C					
3	S	Điền kinh T. Khái – 4t				Sinh học đại cương C. Chúc – 4t
	C					
4	S				Toán cao cấp C. Phương – 4t	
	C					Điền kinh T. Khái – 4t
5	S			Sinh học đại cương C. Chúc – 4t		Toán cao cấp C. Phương – 4t
	C				Điền kinh T. Khái – 4t	
6	S					
	C		Điền kinh T. Khái – 4t			
7	S					
	C					

Ghi chú:

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 07/09/2026

VI. CÁC LỚP THUỘC KHOA KINH TẾ - LUẬT

		20DKT1	20DKT2	20DQT1	20DQT2	20DTCNH1	20DTCNH2
2	S	ĐK & C. Long T. Phúc – 4t					
	C				Điền kinh & Vovinam T. Mai – 4t	ĐK & C. Long T. Viên – 4t	
3	S						
	C		ĐK & C. Long T. Viên – 4t				
4	S			ĐK & B. Chuyên T. Quang – 4t			
	C						
5	S			ĐK & B. Chuyên T. Quang – 4t		Lý thuyết XS và TK toán T. Tâm – 3t	Võ Taekwondo T. Khải – 4t
	C					ĐK & C. Long T. Viên – 4t	
6	S						Điền kinh C. Thu – 4t
	C	ĐK & C. Long T. Phúc – 4t			Điền kinh & Vovinam T. Mai – 4t		Lý thuyết XS và TK toán T. Tâm – 4t
7	S		ĐK & C. Long T. Viên – 4t				
	C						

Ghi chú:

THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Mail
I	Bộ môn Khoa học cơ bản		
1	Diệp Thị Hồng Phước	0913.989.693	dthphuoc@blu.edu.vn
2	Ngô Trúc Phương	0835.588.818	ntphuong@blu.edu.vn
3	Huỳnh Lâm Thị Ngọc Thảo	0943.160.115	hltnthao@blu.edu.vn
4	Nguyễn Thị Chúc	0944.711.754	ntchuc@blu.edu.vn
5	Cao Bích Tuyền	0393.552.008	cbtuyen@blu.edu.vn
6	Trần Thanh Lâm	0982.628.272	ttlam@blu.edu.vn
7	Nguyễn Khải Hoàn	0919.677.904	nkhoan@blu.edu.vn
8	Nguyễn Hữu Tâm	0946.707.819	nhtam@blu.edu.vn
9	Trần Văn Bé	0939.166.111	tvbe@blu.edu.vn
10	Trịnh Khánh Linh	0366.750.780	tklinh@blu.edu.vn
11	Nguyễn Thông Minh	0977.533.957	ntminh@blu.edu.vn
12	Nguyễn Văn Khởi	0396.640.226	nvkhoi@blu.edu.vn
II	Bộ môn Tiểu học và Mầm non		
13	Nguyễn Phước Hoàng	0916.194.400	nphoang@blu.edu.vn
14	Phạm Tiến Công	0913.647.871	ptcong@blu.edu.vn
15	Phạm Thị Kim Thoa	0939.033.277	ptkthoa@blu.edu.vn
16	Nguyễn Thị Minh Trang	0395.135.807	ntmtrang@blu.edu.vn
17	Hoàng Kim Hồng	0949.495.952	hkhong@blu.edu.vn
18	Trương Thị Chanh	0836.654.781	ttchanh@blu.edu.vn
19	Hồ Thị Mỹ Ly	0905.957.161	htmly@blu.edu.vn
20	Trịnh Thị Kim Duyên	0907.262.694	ttkduyen@blu.edu.vn
21	Nguyễn Châu Hận	083.605.6224	nchan@blu.edu.vn
22	Trịnh Minh Hiếu	0939.132.481	tmhieu@blu.edu.vn
23	Đỗ Thị Liên	0984.926.648	dtlien@blu.edu.vn
24	Trương Thị Chanh	0836.654.781	ttchanh@blu.edu.vn

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Mail
III	Bộ môn Giáo dục thể chất		
25	Ngũ Hữu Khái	0907.404.383	nhkhai@blu.edu.vn
26	Đào Thị Thu	0909.137.213	dtthu@blu.edu.vn
27	Ngũ Hữu Khái	0907.404.383	nhkhai@blu.edu.vn
28	Lâm Hoàng Mai	0948.790.190	lhmai@blu.edu.vn
29	Nguyễn Vinh Quang	0916.909.737	nvquang@blu.edu.vn
30	Huỳnh Văn Viên	0914.164.116	hvvien@blu.edu.vn
31	Nguyễn Thanh Phúc	0858.949.494	ntphuc@blu.edu.vn
IV	Mời giảng		
32	Diệp Kiều Trang	0913.458.993	dktrang@blu.edu.vn
33	Lữ Thị Thuỳ Vân	0939.096.318	littvan@blu.edu.vn
34	Hồ Hữu Tường	0948.644.446	hhtuong@blu.edu.vn
35	Dương Minh Ngọc	0919.434.845	dmngoc@blu.edu.vn
36	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn
37	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn
38	Sầm Ngọc Khả Tú	0793.659.644	snktu@blu.edu.vn
39	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn
40	Nguyễn Hiếu Trung	0919.753.783	nhtrung@blu.edu.vn
41	Huỳnh Thị Út	0949.436.959	htut@blu.edu.vn
42	Võ Ngọc Lợi	0374.614.988	vnloi@blu.edu.vn
43	Trần Phước Nghĩa	0983.825.829	tpnghia@blu.edu.vn